

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 225/2021/HS-ST

Ngày: 16-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam

Thẩm phán: Ông Trần Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Việt

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

3. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 651/2021/TLST-HS, ngày 21/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4133/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1989 tại Tiền Giang; Thường trú: Ấp TP, xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú: Số 197 LTT, phường TTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn G và bà Lê Thị Mỹ H; hoàn cảnh gia đình: Có chồng là Trần Anh Bảo N và 02 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh ngày 26/4/2018); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/12/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 149/2009/HSST);

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 23/8/2020 (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1993

Thường trú: Ấp TP, xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

Chỗ ở: 37 TH, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người bào chữa: Ông Lương Văn T, luật sư của Công ty luật DPV thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Lê Thị Mỹ L (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 23/8/2020, tại trước nhà số 111 HB, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an quận Tân Phú phối hợp với Phòng 03 – Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Bộ Công an kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang Lê Thị Mỹ L có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy, thu trên xe gắn máy biển số 63B3-226.11 được 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1001,78 gam, loại Ketamine. L khai đang trên đường đi giao ma túy cho khách thì bị bắt quả tang.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Tân Phú xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thị Mỹ L tại nhà số 197 LTT, phường TTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả thu giữ tại vị trí gần nhà vệ sinh trên gác gỗ 01 thùng giấy bên trong có: 08 gói nylon màu đen bên ngoài có quấn băng keo, chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng 8011,61 gam, loại Ketamine; 01 gói nylon màu đen bên ngoài có quấn băng keo, là ma túy ở thể rắn, tổng khối lượng 1000,26 gam loại Methamphetamine; 03 gói nylon màu đen bên ngoài có quấn băng keo là ma túy ở thể rắn tổng khối lượng 1047,59 gam loại MDMA.

Tại thời điểm khám xét chỗ ở của L, có mặt Trần Anh Bảo N là chồng của L và Nguyễn Văn Đ là người làm công cho vợ chồng L, sinh sống tại tầng trệt của căn nhà.

Tất cả ma túy thu giữ của L trong vụ án đã được giám định, kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 1475/KLGD-H ngày 27/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Lê Thị Mỹ L khai nhận: Vào đầu năm 2019, tại các quán bar trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, L quen biết với một người đàn ông tên Bờm là người bán ma túy (không rõ lai lịch). Đến khoảng đầu tháng 8/2020, do thiếu nợ người khác không có tiền trả nên L nhờ Bờm giúp đỡ. Bờm đề nghị L phụ giúp Bờm mua bán ma túy với công việc cụ thể là L cất giấu ma túy, khi nào Bờm yêu cầu thì đi giao ma túy cho khách. Bờm hứa sau khi L giao hết toàn bộ số ma túy của Bờm thì sẽ được trả công 200.000.000 đồng, L đồng ý và thực hiện 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng ngày 13/8/2020, Bòm gọi điện thoại yêu cầu L đến khu vực chung cư Quang Thái, quận Tân Phú để nhận ma túy. Lúc này, L đang ở Tiền Giang nên gọi điện thoại nhờ chồng là Trần Anh Bảo N ra nhận giúp nhưng L không nói cho N biết là đi nhận ma túy mà chỉ nói đó là nhận hàng mỹ phẩm, N nhận ma túy đem về cất tại nhà số 197 Lý Thánh Tông, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến tối cùng ngày 13/8/2020, L về mở ra xem thì thấy các bịch nylon đánh dấu số và bên trong có chứa ma túy với tổng khối lượng khoảng 09kg, nhưng L không biết là loại ma túy gì.

Lần 2: Vào khoảng ngày 20/8/2020, tại nhà số 197 Lý Thánh Tông, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Bòm cho một người thanh niên (không rõ lai lịch), đi xe ô tô không rõ biển số đến giao cho L 02 thùng giấy bên trong có chứa ma túy. L kiểm tra thấy bên trong 02 thùng giấy chứa các bịch nylon đã đánh dấu số và bên trong có chứa ma túy với tổng khối lượng khoảng 11 kg, nhưng không biết là loại ma túy gì.

Sau đó, L đã 07 lần giao số ma túy trên cho khách theo yêu cầu của Bòm, cụ thể:

Từ lần 1 đến lần 6: Vào khoảng đầu tháng 8/2020 đến ngày 20/8/2020 (L không nhớ cụ thể ngày, địa điểm, đối tượng). Mỗi lần Bòm gọi điện thoại thì L lấy 01 gói ma túy đã được đánh số từ trước và đem đi giao theo yêu cầu của Bòm. L không biết là loại ma túy gì và khối lượng bao nhiêu, tiền bán ma túy do Bòm và khách tự thỏa thuận và thanh toán với nhau. Trong đó, có 01 lần L nhờ N (chồng của L) đi giao ma túy cho khách của Bòm tại khu vực Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng khi nhờ N thì L chỉ nói với N đây là dầu thơm và kem dưỡng da của L bán cho khách nên N không biết đó là ma túy.

Lần thứ 7: Khoảng 18 giờ ngày 23/8/2020, khi L đang ở tại nhà số 197 Lý Thánh Tông, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì Bòm liên lạc yêu cầu L lấy ma túy đi giao cho khách của Bòm tại khu vực đường Bàu Cát 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. L đồng ý và đi lên gác lấy 01 bịch nylon màu đen quần băng keo đựng 01 gói ma túy cho vào 01 bịch nylon màu xanh in chữ Huggies, bỏ vào một bịch nylon màu vàng có in chữ Bitis, L treo ở móc giữa phía trước xe gắn máy biển số 63B3-226.11 rồi chạy đến điểm hẹn để giao ma túy cho khách. Khi L đi đến trước nhà số 111 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang như đã nêu trên. Do chưa giao hết số ma túy nên L chưa nhận 200.000.000 đồng mà Bòm hứa trả.

Đối với Trần Anh Bảo N, quá trình điều tra N khai: N là chồng của L và sinh sống chung tại nhà số 197 Lý Thánh Tông, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2017. Vào khoảng 13 giờ ngày 11/8/2020, L có gọi điện thoại cho N đến khu vực chung cư Quang Thái, thuộc quận Tân Phú để nhận hàng mỹ phẩm của L mua về để bán cho khách và dặn khi đến nơi thì gọi lại cho L để L gọi người giao hàng cho N thì N đồng ý. Tại

đây, N nhận 01 thùng giấy dán kín bên ngoài từ một người đàn ông (không rõ lai lịch), sau khi nhận được thùng giấy nêu trên thì N đem về chỗ ở của N và L cất ở chân cầu thang. Ngoài ra, ngày 20/8/2020, L đưa cho N 02 bịch nylon màu đỏ, nói là hàng mỹ phẩm và nhờ N đem đi giao cho khách giúp L. Việc nhận giúp L 01 thùng giấy và đi giao giúp L 02 bịch nylon màu đỏ, N không biết bên trong có chứa ma túy, N không biết và không nhớ người giao và người nhận hàng do L nhờ. Lời khai nhận N phù hợp với lời khai của L nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xử lý N về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đối với Nguyễn Văn Đ là người làm thuê cho vợ chồng L, quá trình điều tra Đ khai: Vào khoảng tháng 02/2020, Đ được vợ chồng L thuê phụ giúp L mua bán và đi giao dứa, trả công mỗi tháng 9.000.000 đồng và bao ăn ở. Việc L “Mua bán trái phép chất ma túy” thì Đ không biết và không tham gia. Lời khai của Đ phù hợp với lời khai của L. Kết quả điều tra xác định Nguyễn Văn Đ không liên quan đến hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của Lê Thị Mỹ L. Tuy nhiên, Nguyễn Văn Đ khai có sử dụng trái phép chất ma túy, phù hợp với kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy nên Công an quận Tân Phú đã bàn giao Đ cho Công an phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với các đối tượng: Bờm (là người thuê L đi bán ma túy) do L khai không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- Thu giữ của Lê Thị Mỹ L:

+ 02 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1475/20 Tân Phú gói 1 và 1475/20 Tân Phú gói 2 có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc và cán bộ điều tra Lê Xuân Liêm, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone (gắn sim số 0796.826.530) là của L dùng để liên lạc với Bờm và người nhận ma túy.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone (gắn sim số 0933.336.561) là của L dùng để liên lạc với gia đình, bạn bè, không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

+ 01 xe gắn máy biển số 63B3-226.11; số khung: RLCN1DR10CY071419; số máy: 1DR1-071429. Kết quả giám định được biết số khung, số máy nguyên thủy không thay đổi. Kết quả xác minh được biết: Chiếc xe gắn máy nêu trên do chị Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1993, HKTT: Ấp TP, xã TLT, huyện CTh, tỉnh Tiền Giang đứng tên trên giấy đăng ký mô tô, xe máy, chị Tuyết M khai: Chiếc xe gắn máy nêu trên là của chị Tuyết M mua mới và đăng ký chủ sở hữu vào tháng 01/2013 và sử dụng cho đến khoảng đầu tháng 8/2020 chị Tuyết M cho chị gái là Lê Thị Mỹ L mượn dùng vào việc đi lại và buôn bán trái cây. Việc Mỹ L sử dụng xe đi đâu, làm gì thì chị Tuyết M không biết. Lời khai của chị Tuyết

M phù hợp với lời khai của Lê Thị Mỹ L. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản chuyển kho vật chứng thuộc Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 250/CT-VKS-P1 ngày 11/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Thị Mỹ L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá những chứng cứ xác định hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ L tù chung thân. Phạt bổ sung 50 triệu đồng.

Luật sư Lương Văn T bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo L. Tuy nhiên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo chỉ là người phụ giúp Bờm mua bán ma túy, bị cáo chỉ là người đi giao ma túy chứ không thu tiền, bị cáo cũng chưa nhận được tiền công, chưa hưởng lợi và xem xét áp dụng cho bị cáo mức hình phạt 20 năm tù.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quan điểm truy tố.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị cáo và người bào chữa không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét và thu giữ, Kết luận giám định, vật chứng vụ án đã có cơ sở xác định: Bị cáo Lê Thị Mỹ L có hành vi mua bán trái phép nhiều loại chất ma túy như Ketamine, Methamphetamine, MDMA,...cho người khác để thu lợi bất chính. Và vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 23/8/2020 tại trước nhà số 111 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, khi L đang đi giao ma túy cho khách theo yêu cầu của đối tượng Bờm thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Tân Phú bắt quả tang, khối lượng thu giữ khi bắt quả tang là 1.001,78 gam, loại Ketamine. Tiến hành khám xét nhà của bị cáo L tại 197 Lý Thánh Tông, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ tổng cộng 8.010,61 gam ma túy, loại Ketamine; 1.000,26 gam ma túy, loại Methamphetamine và 1.047,59 gam ma túy, loại MDMA. Tổng khối lượng ma túy bị thu giữ là 9.012,39 gam Ketamine; 1.000,26 gam Methamphetamine và 1.047,59 gam MDMA (Theo Kết luận giám định số 1475/KLGD-H ngày 27/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vì tư lợi vẫn cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng đặc biệt lớn nên cần thiết phải xử lý nghiêm. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Với khối lượng ma túy thu giữ như trên thuộc trường hợp phải loại bỏ bị cáo ra khỏi xã hội, tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội bị cáo đang nuôi con nhỏ là cháu Trần Anh Gia Bảo sinh ngày 26/4/2018 chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ Điều 39, Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015 không tử hình đối với bị cáo mà áp dụng Điều 39 cách ly vô thời hạn bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ răn đe, giáo dục đồng thời thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước.

[3] Đối với Trần Anh Bảo N là chồng của bị cáo Lê Thị Mỹ L, không tham gia và không biết L mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý N là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Văn Đ là người làm thuê cho vợ chồng L, không biết và không phụ giúp L mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý Đ là có cơ sở. Tuy nhiên, Đ có dương tính với ma túy nên Công an quận Tân Phú bàn giao cho công an phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Đối với các đối tượng Bờm (là người thuê L đi bán ma túy) do L khai không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào nhân thân, hoàn cảnh gia đình bị cáo Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng mức phạt bổ sung phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe hai bánh gắn máy; Nhãn hiệu Yamaha; Số loại: Nozza, Dung tích xilanh 113; BS: 63B3-226.11, SK: RLCN1DR10CY071419; SM: 1DR1-071429 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số XMay1/274BB/2021, là xe của chị Lê Thị Tuyết M, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Mỹ L nên cần trả lại cho chị Tuyết M.

- Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Iphone có kèm sim card có số thuê bao 0796826530; Model: A1634FCC ID: BCG-E2944A IC:579C-E2944A (không kiểm tra được số thuê bao do không có nguồn điện, không kiểm tra được máy móc, tình trạng bên trong máy), mã số DT1/274BB/2021, sử dụng liên lạc mua bán ma túy, là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Iphone có kèm sim card có số thuê bao 0933336561 (không kiểm tra được số thuê bao, tình trạng do không có nguồn điện; không kiểm tra được imei do không có nguồn điện, số imei khay sim:...47786), mã số DT2/274BB/2021, là tài sản của bị cáo L, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo L.

- 01 thùng giấy có ghi vụ số 1475/20 (Tân Phú gói 1) được niêm phong sau giám định có chữ ký của Giám định viên Phan Tấn Quốc; Cán bộ điều tra Lê Xuân Liêm, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định và 01 thùng giấy có ghi số 1475/20 (Tân Phú gói 2) được niêm phong sau giám định có chữ ký của Giám định viên Phan Tấn Quốc; Cán bộ điều tra Lê Xuân Liêm, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39; Điều 40 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Mỹ L tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Mỹ L: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[2] Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

* Trả lại cho chị Lê Thị Tuyết M:

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; Nhãn hiệu Yamaha; Số loại: Nozza, Dung tích xilanh 113; BS: 63B3-226.11, SK: RLCN1DR10CY071419; SM: 1DR1-071429 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số XMay1/274BB/2021;

* Trả lại cho bị cáo Lê Thị Mỹ L:

- 01 (một) cái ĐTDĐ hiệu Iphone có kèm sim card có số thuê bao 0933336561 (không kiểm tra được số thuê bao, tình trạng do không có nguồn điện; không kiểm tra được imei do không có nguồn điện, số imei khay sim:...47786), mã số DT2/274BB/2021;

* Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) cái ĐTDĐ hiệu Iphone có kèm sim card có số thuê bao 0796826530; Model: A1634FCC ID: BCG-E2944A IC:579C-E2944A (không kiểm tra được số thuê bao do không có nguồn điện, không kiểm tra được máy móc, tình trạng bên trong máy), mã số DT1/274BB/2021;

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) thùng giấy có ghi vụ số 1475/20 (Tân Phú gói 1) được niêm phong sau giám định có chữ ký của Giám định viên Phan Tấn Quốc; Cán bộ điều tra Lê Xuân Liêm, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, mã số NP1/274BB/2021;

- 01 (một) thùng giấy có ghi số 1475/20 (Tân Phú gói 2) được niêm phong sau giám định có chữ ký của Giám định viên Phan Tấn Quốc; Cán bộ điều tra Lê Xuân Liêm, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, mã số NP2/274BB/2021;

Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2021/274 ngày 12/5/2021 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại tạm giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Người liên quan; (1)
- Người bào chữa; (1)
- THAHS TAND TP.HCM; (1)
- Phòng PV06 - CA TP.HCM; (1)
- Ủy ban nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoài Nam